

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 22/2016/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 9 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý hoạt động của thủy phi cơ, sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 40/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý hoạt động của thủy phi cơ, sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về quản lý hoạt động của thủy phi cơ, sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cất, hạ cánh trên mặt nước phục vụ mục đích thường xuyên hoạt động bay thương mại.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Người khai thác thủy phi cơ, người khai thác sân bay chuyên dùng trên mặt nước, người khai thác bãi cất, hạ cánh trên mặt nước phục vụ mục đích thường xuyên hoạt động bay thương mại;

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý hoạt động của thủy phi cơ, sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cất, hạ cánh trên mặt nước phục vụ mục đích thường xuyên hoạt động bay thương mại.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Thủy phi cơ là một loại tàu bay chuyên dùng được thiết kế để có khả năng cất và hạ cánh, di chuyển trên đường cát, hạ cánh bằng vật liệu hoặc đất, mặt nước.

2. Bãi cất, hạ cánh trên mặt nước là khu vực được xác định trên dải mặt nước được sử dụng cho thủy phi cơ cất cánh hoặc hạ cánh.

3. Sân bay chuyên dùng trên mặt nước là khu vực được xác định trên dải mặt nước và các công trình hạ tầng, thiết bị phụ trợ khác được sử dụng cho thủy phi cơ hoạt động để phục vụ mục đích khai thác hàng không chung hoặc mục đích vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi mà không phải vận chuyển công cộng.

4. Người khai thác thủy phi cơ là tổ chức, cá nhân khai thác thủy phi cơ sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay.

5. Người khai thác sân bay chuyên dùng trên mặt nước là tổ chức, cá nhân được cấp Giấy chứng nhận khai thác sân bay chuyên dùng.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THỦY PHI CƠ, SÂN BAY CHUYÊN DÙNG TRÊN MẶT NƯỚC, BÃI CẤT, HẠ CÁCH TRÊN MẶT NƯỚC

Điều 3. Quy định chung về hoạt động thủy phi cơ trên mặt nước

1. Thủy phi cơ được cất, hạ cánh tại sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước được cấp Giấy chứng nhận đăng ký sân bay chuyên dùng, Giấy chứng nhận khai thác sân bay chuyên dùng và được mở theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

2. Hoạt động của thủy phi cơ trên mặt nước chịu sự quản lý tương ứng của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Giao thông vận tải nơi có sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước được mở và cấp phép khai thác.

3. Thủy phi cơ, hoạt động khai thác của thủy phi cơ trên mặt nước phải tuân thủ các quy định về luồng, tuyến, bảo đảm an ninh, an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực hàng không dân dụng, hàng hải và đường thủy nội địa.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký sân bay chuyên dùng

1. Giấy chứng nhận đăng ký sân bay chuyên dùng được Cục Hàng không Việt Nam cấp cho người khai thác sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước được mở phục vụ mục đích thường xuyên hoạt động bay thương mại theo quy định tại Điều 50 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký sân bay chuyên dùng, căn cứ vào phạm vi quản lý của các cơ quan trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa, Cục Hàng không Việt Nam phải lấy ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (trường hợp sân bay chuyên dùng nằm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương hoặc tuyến đường thủy nội địa quốc gia được ủy quyền quản lý) và Cục Tác chiến (Bộ Tổng tham mưu) về các nội dung sau:

a) Vị trí, quy mô công trình;

b) Ảnh hưởng của sân bay chuyên dùng trên mặt nước với tuyến, luồng và phạm vi bảo vệ các công trình khác ở khu vực.

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam bằng văn bản, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Điều 5. Giấy chứng nhận khai thác sân bay chuyên dùng

1. Sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước được thiết kế, xây dựng theo quy định tại Nghị định số 42/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở, đóng sân bay chuyên dùng.

2. Giấy chứng nhận khai thác sân bay chuyên dùng được Cục Hàng không Việt Nam cấp cho người khai thác sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước được mở phục vụ mục đích thường xuyên hoạt động bay thương mại theo quy định tại Điều 51 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Trước khi cấp Giấy chứng nhận khai thác sân bay chuyên dùng, căn cứ vào phạm vi quản lý của các cơ quan trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa, Cục Hàng không Việt Nam phải gửi Tài liệu khai thác sân bay chuyên dùng đến Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải (trường hợp sân bay chuyên dùng nằm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương hoặc tuyến đường thủy nội địa quốc gia được ủy quyền quản lý) và Cục Tác chiến (Bộ Tổng tham mưu) để lấy ý kiến về các nội dung trong Tài liệu khai thác sân bay chuyên dùng.

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời Cục Hàng không Việt Nam bằng văn bản, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Điều 6. Tài liệu khai thác sân bay chuyên dùng

1. Nội dung Tài liệu khai thác sân bay chuyên dùng gồm:

a) Hệ thống tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của người khai thác sân bay chuyên dùng trên mặt nước hoặc bãi cát, hạ cánh trên mặt nước; tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của người khai thác sân bay chuyên dùng trên mặt nước hoặc bãi cát, hạ cánh trên mặt nước; hệ thống nhân sự bảo đảm khai thác;

b) Thông tin chung về sân bay chuyên dùng trên mặt nước, bãi cát, hạ cánh trên mặt nước, bao gồm: các sơ đồ về vị trí, mặt bằng tổng thể, tọa độ điểm quy chiếu, tọa độ hai đầu dải mặt nước; bình đồ khu vực nước dự kiến xây dựng công trình hoặc lắp đặt các thiết bị;